

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2211.01/2022/HĐKT-NTV.HCM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 11 năm 2022.

HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN

V/v Kiểm toán Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31/12/2022

của Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 10

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;
- Căn cứ Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29 tháng 3 năm 2011; Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kiểm toán độc lập;
- Căn cứ Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng kiểm toán;

Hợp đồng này được lập bởi và giữa các bên:

Bên A: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THUỶ NỘI ĐỊA SỐ 10

Đại diện là Ông : **NGUYỄN MẠNH TRƯỜNG**
Chức vụ : Tổng Giám đốc
Địa chỉ : 187 Trần Xuân Soạn, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (028) 3872 0567
Fax : (028) 3872 0568
Tài khoản số : 53473636
Tại Ngân hàng : Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – CN Quận 10 - TP.HCM
Mã số thuế : **0313159937**

Bên B: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT – CN TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Đại diện là Ông : **VÕ CÔNG TUẤN**
Chức vụ : Giám đốc
Địa chỉ : Số 98 Vũ Tông Phan, Phường An Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (028) 6287 2932 - 6287 2933
Email : ntv.hcm@ntva.com.vn
Tài khoản số : **185844709**
Tại Ngân hàng : Ngân hàng TMCP Á Châu – PGD Kỳ Hoà TP.HCM
Mã số thuế : **0102038482 – 003**

Sau khi thỏa thuận, hai bên nhất trí ký hợp đồng này gồm các điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung hợp đồng

Bên B đồng ý cung cấp cho Bên A dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu (nếu có), Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày. Cuộc kiểm toán của Bên B được thực hiện với mục tiêu đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính của Bên A.

Điều 2: Trách nhiệm và quyền hạn của các bên

2.1 Trách nhiệm của Bên A

Cuộc kiểm toán của Bên B sẽ được thực hiện trên cơ sở Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị của Bên A (trong phạm vi phù hợp) hiểu và thừa nhận có trách nhiệm:

- 2.11 Đối với việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực và hợp lý, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày Báo cáo tài chính được áp dụng;
- 2.12 Đối với kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- 2.13 Đảm bảo cung cấp kịp thời cho Bên B:
 - Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà Ban Tổng Giám đốc nhận thấy có liên quan đến quá trình lập và trình bày Báo cáo tài chính như chứng từ kế toán, sổ kế toán, tài liệu và các vấn đề khác;
 - Các thông tin bổ sung mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán yêu cầu Ban Tổng Giám đốc cung cấp hoặc giải trình để phục vụ cho mục đích của cuộc kiểm toán;
 - Quyền tiếp cận không hạn chế đối với nhân sự của Bên A mà Kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng kiểm toán. Bố trí nhân sự liên quan cùng làm việc với Bên B trong quá trình kiểm toán;

Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị của Bên A (trong phạm vi phù hợp) có trách nhiệm cung cấp và xác nhận bằng văn bản về các giải trình đã cung cấp trong quá trình kiểm toán vào “Thư giải trình của Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị”, một trong những yêu cầu của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam, trong đó nêu rõ trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Bên A trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và khẳng định rằng, ảnh hưởng của từng sai sót cũng như tổng hợp các sai sót không được điều chỉnh do Bên B phát hiện và tổng hợp trong quá trình kiểm toán cho kỳ hiện tại và các sai sót liên quan đến các kỳ trước là không trọng yếu đối với tổng thể Báo cáo tài chính.

- 2.14 Tạo điều kiện thuận tiện cho các nhân viên của Bên B trong quá trình kiểm toán.
- 2.15 Thanh toán đầy đủ phí dịch vụ kiểm toán và các phí khác (nếu có) cho Bên B theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng này.

2.2 Trách nhiệm của Bên B

- 2.21 Bên B sẽ thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, pháp luật và các quy định có liên quan. Các chuẩn mực kiểm toán này quy định Bên B phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính, xét trên phương diện tổng thể, có còn sai sót trọng yếu hay không. Trong cuộc kiểm toán, Bên B sẽ thực hiện các thủ tục để thu thập bằng chứng kiểm toán về số liệu và thông tin trình bày trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được thực hiện tùy thuộc vào đánh giá của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc do nhầm lẫn. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán đã được sử dụng và các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá cách trình bày tổng quát của Báo cáo tài chính.
- 2.22 Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A về nội dung và kế hoạch kiểm toán, cử Kiểm toán viên và các trợ lý có năng lực và kinh nghiệm thực hiện kiểm toán;
- Bên B thực hiện công việc kiểm toán theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật số liệu; Theo đó Bên B không được quyền tiết lộ cho bất kỳ một bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của Bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được các cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc đã được Bên A công bố.
- 2.23 Bên B có trách nhiệm yêu cầu Bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho Bên B trong quá trình thực hiện kiểm toán. Theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam, việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình của Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để Bên B đưa ra ý kiến của mình về Báo cáo tài chính của Bên A;
- 2.24 Do những hạn chế vốn có của kiểm toán cũng như của kiểm soát nội bộ, có rủi ro khó tránh khỏi là Kiểm toán viên có thể không phát hiện được các sai sót trọng yếu mặc dù cuộc kiểm toán đã được lập kế hoạch và thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam;
- Để đánh giá các rủi ro, Bên B sẽ xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ mà Bên A sử dụng trong quá trình lập Báo cáo tài chính, để thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp trong từng trường hợp nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của Bên A. Tuy nhiên, Bên B sẽ thông báo tới Bên A bằng văn bản về bất kỳ khiếm khuyết nào trong hệ thống kiểm soát nội bộ mà Bên B phát hiện được trong quá trình kiểm toán Báo cáo tài chính.

Điều 3: Báo cáo kiểm toán

Sau khi kết thúc cuộc kiểm toán, Bên B sẽ cung cấp cho Bên A:

- 06 bộ Báo cáo kiểm toán kèm theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán; Trong đó, Bên B giữ 01 bộ.
- Thư quản lý (nếu có) đề cập đến các thiếu sót cần khắc phục và các đề xuất của Kiểm toán viên nhằm hoàn thiện hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ của Bên A.

Báo cáo kiểm toán sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Luật kiểm toán độc lập, Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 700, các chuẩn mực kiểm toán và quy định pháp lý khác có liên quan.

Trong trường hợp Bên A dự định phát hành Báo cáo kiểm toán của Bên B dưới bất kỳ dạng tài liệu nào hoặc phát hành các tài liệu trong đó có các thông tin về Báo cáo tài chính đã được kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc Bên A đồng ý rằng: sẽ cung cấp cho bên B một bản của tài liệu này và chỉ phổ biến rộng rãi các tài liệu này sau khi có sự đồng ý của Bên B bằng văn bản.

Điều 4 Phí kiểm toán và phương thức thanh toán

4.1 *Phí kiểm toán*

- Phí kiểm toán Báo cáo tài chính	:	40.000.000 Đồng
- Thuế Giá trị gia tăng (tạm tính 10%)	:	4.000.000 Đồng
- Cộng giá thanh toán	:	44.000.000 Đồng

(Bằng chữ: Bốn mươi bốn triệu đồng chẵn)

4.2 *Phương thức thanh toán*

- Phí kiểm toán sẽ được thanh toán bằng chuyển khoản vào tài khoản của Bên B, phí Ngân hàng do Bên A chịu;
- Bên A tạm ứng cho Bên B 50% giá trị hợp đồng trong vòng 5 ngày sau khi ký hợp đồng; thanh toán 50% còn lại khi Bên B giao Báo cáo Kiểm toán cho Bên A.

Bên B sẽ phát hành hoá đơn GTGT cho Bên A khi Bên A thanh toán toàn bộ giá trị Hợp đồng kiểm toán cho Bên B.

Điều 5: Cam kết thực hiện

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau để cùng tìm phương án giải quyết. Mọi thay đổi phải được thông báo trực tiếp cho mỗi bên bằng văn bản (hoặc qua email) theo địa chỉ tại Hợp đồng này.
- Thời gian hoàn thành cuộc kiểm toán được nêu trong Kế hoạch kiểm toán sẽ được gửi đến Bên A. Thời gian nêu trong kế hoạch không bao gồm thời gian chờ Bên A cung cấp bổ sung bằng chứng kiểm toán hoặc giải trình những vấn đề có liên quan đến Báo cáo tài chính.
- Mọi tranh chấp hoặc khiếu kiện phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được giải quyết bằng thương lượng hoặc theo Bộ Luật Dân sự nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và tại Tòa án có thẩm quyền do hai bên lựa chọn.

Điều 6: Hiệu lực và thời hạn hợp đồng

- Hợp đồng này được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày có đủ chữ ký, con dấu của cả hai bên.
- Hợp đồng này tự động được thanh lý sau khi bên A và bên B đã hoàn thành trách nhiệm của mỗi bên.

Đại diện

Đại diện

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ
ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
CHI NHÁNH TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

TỔNG GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN MẠNH TRƯỜNG

VÕ CÔNG TUẤN